



Flashcardo.com

Reméljük, hogy ezek a nyomtatható kártyák hasznosak lesznek számodra. Ha még több kártyaterméket szeretnél találni, látogass el a weboldalunkra: www.flashcardo.com/hu. A Flashcardo.com oldalon online kártyákat, ismétlési rendszerű kártyákat, videós kártyákat és még sok mást kínálunk. Mindezt ingyenesen, a világ minden tájáról tanulók számára.

Szerzői jog, licenc megjegyzések

Ez a PDF szerzői jogi védelem alatt áll, minden jog fenntartva. Szabadon megoszthatod ezt a PDF-et bárkivel. Azonban tilos eladni ezt a PDF-et vagy annak tartalmát. Ha bármilyen kérdésed van, látogass el a www.flashcardo.com/hu weboldalra, hogy kapcsolatba léphess velünk. Köszönjük!

Felelősségkizárás

EZ A PDF „AHOGY VAN” KERÜL BIZTOSÍTÁSRA, BÁRMIFÉLE KIFEJEZETT VAGY VÉLELMEZETT GARANCIA NÉLKÜL, BELEÉRTVE, DE NEM KIZÁRÓLAGOSAN A FORGALOMKÉPESSÉGRE, EGY ADOTT CÉLRA VALÓ ALKALMASSÁGRA ÉS A JOGSÉRTÉSMENTESSÉGRE VONATKOZÓ GARANCIÁKAT. SEMMILYEN ESETBEN NEM VÁLLALNAK FELELŐSSÉGET A SZERZŐK VAGY A SZERZŐI JOG TULAJDONOSAI SEMMILYEN IGÉNYÉRT, KÁRÉRT VAGY EGYÉB FELELŐSSÉGÉRT, LEGYEN AZ SZERZŐDÉSBŐL, JOGSÉRTÉSBŐL VAGY MÁS JOGI ELJÁRÁSBÓL EREDŐ, AMELY A PDF-BŐL, ANNAK HASZNÁLATÁBÓL VAGY MÁS ÜGYLETEIBŐL SZÁRMAZIK.

Szerzői jog © 2025 Flashcardo.com. Minden jog fenntartva

Kétoldalas nyomtatás

Kérjük, vedd figyelembe, hogy ezek a kártyák kétoldalas nyomtatásra készültek. Ha a nyomtatód nem tud kétoldalasan nyomtatni, töltsd le az egyoldalas kártya-PDF-eket a nyomtatáshoz.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

ő

te

én

mi

ez/az

ő

mi

ők

ti

miért

hol

ki

mikor

melyik

hogyan

igazán

ha

akkor

nem

mert

de

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Ez mennyibe kerül?

Szükségem van erre

ez

vagy

minden

az

Tudom

tudni

és

jönni

gondolkodni

Nem tudom

találni

vinni

rakni

beszélni

dolgozni

hallgatni

segíteni

kedvelni

adni

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

không

một

hai

ba

bốn

năm

sáu

bảy

tám

chín

mười

mười một

mười hai

mười ba

várni

felhívni

szeretni

Szeretsz engem?

Ez nem tetszik

Kedvellek

1

0

Szeretlek

4

3

2

7

6

5

10

9

8

13

12

11

mười bốn

mười năm

mười sáu

mười bảy

mười tám

mười chín

hai mươi

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

16

15

14

19

18

17

régi

új

20

mennyi?

sok

kevés

helyes

helytelen

hány?

boldog

jó

rossz

kicsi

hosszú

rövid

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

itt

ott

nagy

szép

bal

jobb

helló

öreg

fiatal

vigyázz magadra

rendben

majd még találkozunk

jó napot

persze

ne aggódj

viszontlátásra

viszlát

szia

köszönöm

sajnálom

elnézést

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

most

akarom ezt

kérem

éjjel

délelőtt

délután

dél

este

reggel

perc

óra

éjfél

hét

nap

másodperc

idő

év

hónap

tegnap

tegnapelőtt

dátum

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

holnapután

holnap

ma

szerda

kedd

hétfő

szombat

péntek

csütörtök

élet

Holnap szombat

vasárnap

szeretet

férfi

nő

barát

barátnő

barát

gyermek

szex

csók

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đứng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

fiú

lány

kisbaba

anya

apu

anyu

fiú

szülők

apa

öcs

húg

lány

állni

báty

nővér

zárni

feküdni

ülni

nyerni

vesztíteni

nyitni

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

bekapcsolni

élni

meghalni

megsérülni

ölni

kikapcsolni

inni

nézni

megérinteni

találkozni

járni

enni

követni

csókolni

fogadni

kérdezni

válaszolni

házasodni

üzlet

cég

kérdés

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

telefon

pénz

állás

kórház

doktor

iroda

elnök

rendőr

nővér

piros

fekete

fehér

sárga

zöld

kék

vicces

gyors

lassú

nehéz

igazságos

igazságtalan

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

gazdag

Ez nehéz

könnyű

gyenge

erős

szegény

büszke

fáradt

biztonságos

egészséges

beteg

jóllakott

magas

alacsony

dühös

mindig

minden

egyenest

már

ismét

valójában

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

több

legtöbb

kevesebb

nagyon

semmi

Többet akarok

tehén

disznó

állat

juh

kutya

ló

medve

macska

majom

pillangó

kacsa

csirke

pók

hal

méh

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

bent

kint

kígyó

alul

közel

messze

elől

mellett

felett

savanyú

édes

hátsó

kemény

puha

furcsa

őrült

hülye

aranyos

alacsony

magas

elfoglalt

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

higgadt

meglepődött

aggódó

okos

gonosz

illedelmes

fej

forró

hideg

száj

haj

orr

kéz

szem

fül

agy

szív

lábfej

megnyomni

tolni

húzni

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

harcolni

elkapni

megütni

olvasni

futni

dobni

számolni

megjavítani

írni

vásárolni

eladni

vágni

álmodni

tanulni

fizetni

ünnepelni

játszani

aludni

tisztítani

élvezni

pihenni

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

hai mươi mốt

hai mươi hai

hai mươi sáu

ba mươi

ba mươi mốt

ba mươi ba

ba mươi bảy

bốn mươi

bốn mươi mốt

bốn mươi bốn

ajtó

ház

iskola

esküvő

feleség

férj

otthon

autó

személy

21

szám

város

30

26

22

37

33

31

44

41

40

bốn mươi tám

năm mươi

năm mươi mốt

năm mươi lăm

năm mươi chín

sáu mươi

sáu mươi mốt

sáu mươi hai

sáu mươi sáu

bảy mươi

bảy mươi mốt

bảy mươi ba

bảy mươi bảy

tám mươi

tám mươi mốt

tám mươi bốn

tám mươi tám

chín mươi

chín mươi mốt

chín mươi lăm

chín mươi chín

51

50

48

60

59

55

66

62

61

73

71

70

81

80

77

90

88

84

99

95

91

một trăm

một nghìn

mười nghìn

một trăm nghìn

một triệu

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

10.000

1000

100

az én kutyám

1.000.000

100.000

az ő autója

az ő ruhája

a te macskád

a ti csapatotok

a mi otthonunk

az ő labdája

együtt

mindenki

az ő cégük

egészségedre

nem számít

más

isten hozta

egyetértetek

nyugi

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

fordulj balra

fordulj jobbra

semmi gond

tojás

gyere velem

menj egyenesen

hal

tej

sajt

gyümölcs

zöldség

hús

kenyér

olaj

csont

cukorka

csokoládé

cukor

víz

ital

torta

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

tea

kávé

ásványvíz

saláta

bor

sör

reggeli

desszert

leves

pizza

vacsora

ebéd

vasútállomás

vonat

busz

hajó

repülő

buszmegálló

motorbicikli

bicikli

teherautó

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

parkoló

közlekedési lámpa

taxi

cipő

ruházat

út

ing

pulóver

kabát

nadrág

öltöny

dzseki

zokni

póló

ruha

szemüveg

alsónadrág

melltartó

tárca

pénztárca

kézitáska

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khỏe không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

karóra

kalap

gyűrű

A nevem David

Mi a neved?

zseb

Jól vagy?

Hogy vagy?

22 éves vagyok

tavas

Hiányzol

Hol van a mosdó?

tél

ősz

nyár

március

február

január

június

május

április

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

szeptember

augusztus

július

december

november

október

piac

számla

vásárlás

lakás

épület

szupermarket

templom

tanya

egyetem

edzőterem

bár

étterem

térkép

WC

park

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

pisztoly

rendőrség

mentőszolgálat

külváros

ország

tűzoltók

gyógyszer

egészség

falu

műtét

beteg

baleset

megfázás

láz

tabletta

köhögés

időpont

seb

váll

fenék

nyak

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

kar

láb

térd

hát

kebel

has

ajak

nyelv

fog

gyomor

lábujj

ujj

ideg

máj

tüdő

szín

bél

vese

barna

szürke

narancs

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

nehéz

unalmas

rózsaszín

éhes

magányos

könnyű

meredek

szomorú

szomjas

szögletes

kerek

lapos

mély

széles

szűk

észak

hatalmas

sekély

nyugat

dél

kelet

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

teli

tiszta

piszkos

olcsó

drága

üres

szexi

világos

sötét

nagylelkű

bátor

lusta

buta

csúnya

jóképű

vak

bűnös

barátságos

száraz

nedves

részeg

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

halk

hangos

meleg

fürdőszoba

konyha

csöndes

kert

hálószoba

nappali

pince

fal

garázs

tető

lépcső

vécé

csésze

kés

ablak

csésze

tányér

pohár

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

TV készülék

tál

szemetes

tükör

ágy

íróasztal

kép

kanapé

zuhany

szék

asztal

óra

szomszéd

csengő

úszómedence

lőni

választani

megbukni

megvédeni

hullani

szavazni

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

égni

lopni

támadni

repülni

dohányozni

megmenteni

rúgni

köpní

cipelni

szagolni

lélegezni

harapni

mosolyogni

énekelni

sírni

zsugorodni

nőni

nevetni

megosztani

fenyegetni

vitatkozni

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

figyelmeztetni

elbújni

etetni

gurulni

ugrani

úszni

másolni

ásni

emelni

gyakorolni

keresni

szállítani

zuhanyozni

festeni

utazni

mosni

bezárni

kinyitni

könyv

főzni

imádkozni

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

ba phần trăm

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

ngiên cứu

vizsga

házi feladat

könyvtár

történelem

tudomány

tanóra

francia

angol

művészet

3%

ceruza

toll

harmadik

második

első

négyzet

eredmény

negyedik

kutatás

terület

kör

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

x nhỏ hơn y

x lớn hơn y

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

mesterdiploma

alapképzés

tudományos fokozat

stressz

$x > y$

$x < y$

osztály

alkalmazottak

biztosítás

levél

cím

fizetés

pilóta

nyomozó

kapitány

ügyvéd

tanár

professzor

bíró

asszisztens

titkárnő

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

szakács

menedzser

vezérigazgató

bűnöző

buszsofőr

taxisofőr

telefonszám

művész

modell

chat

alkalmazás

térerő

e-mail cím

url

fájl

mobiltelefon

e-mail

weboldal

bizonyíték

börtön

törvény

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

bíróság

tanú

bírság

nyereség

veszteség

aláírás

hitelkártya

összeg

ügyfél

úszómedence

bankautomata

jelszó

rádió

kamera

áram

szatyor

üveg

ajándék

angyal

baba

kulcs

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

fogkefe

fogkrém

fésű

zsebkendő

krém

sampon

mozi

TV

rúzs

jegy

ülés

hírek

színpad

zene

mozivászon

vicc

festmény

közönség

magazin

újság

cikk

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

hamu

természet

reklám

hold

gyémánt

tűz

csillag

nap

Föld

tengerpart

univerzum

bolygó

sivatag

erdő

tó

folyó

szikla

domb

sziget

hegy

völgy

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

időjárás

tenger

óceán

vihar

hó

jég

növény

szél

eső

rózsa

fű

fa

fém

gáz

virág

Az ezüst olcsóbb az aragnál

ezüst

arany

tag

nyaralás

Az arany drágább az
ezüstnél

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

một trăm linh một

một trăm linh năm

một trăm mười

vendég

strand

szálloda

újév

Karácsony

születésnap

nagynéni

nagybácsi

húsvét

nagymama

nagyapa

nagymama

sír

halál

nagyapa

vőlegény

menyasszony

válás

110

105

101

một trăm năm mươi mốt

hai trăm

hai trăm linh hai

hai trăm linh sáu

hai trăm hai mươi

hai trăm sáu mươi hai

ba trăm

ba trăm linh ba

ba trăm linh bảy

ba trăm ba mươi

ba trăm bảy mươi ba

bốn trăm

bốn trăm linh bốn

bốn trăm linh tám

bốn trăm bốn mươi

bốn trăm tám mươi bốn

năm trăm

năm trăm linh năm

năm trăm linh chín

năm trăm năm mươi

năm trăm chín mươi lăm

202

200

151

262

220

206

307

303

300

400

373

330

440

408

404

505

500

484

595

550

509

sáu trăm

sáu trăm linh một

sáu trăm linh sáu

sáu trăm mười sáu

sáu trăm sáu mươi

bảy trăm

bảy trăm linh hai

bảy trăm linh bảy

bảy trăm hai mươi bảy

bảy trăm bảy mươi

tám trăm

tám trăm linh ba

tám trăm linh tám

tám trăm ba mươi tám

tám trăm tám mươi

chín trăm

chín trăm linh bốn

chín trăm linh chín

chín trăm bốn mươi chín

chín trăm chín mươi

con hổ

606

601

600

700

660

616

727

707

702

803

800

770

880

838

808

909

904

900

tigris

990

949

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

nyúl

patkány

egér

elefánt

szamár

oroszlán

galamb

kakas

madár

bogár

rovar

liba

hangya

légy

szúnyog

delfin

cápa

bálna

gyakran

béka

csiga

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

habár

hirtelen

azonnal

futás

tenisz

torna

korcsolyázás

golf

kerékpározás

úszás

kosárlabda

labdarúgás

Egyesült Királyság

túrázás

búvárkodás

Olaszország

Svájc

Spanyolország

Thaiföld

Németország

Franciaország

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Japán

Oroszország

Szingapúr

Kína

India

Izrael

Kanada

Mexikó

Amerikai Egyesült Államok

Argentína

Brazília

Chile

Marokkó

Nigéria

Dél-Afrika

Algéria

Kenya

Líbia

Ausztrália

Új-Zéland

Egyiptom

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

một giờ

hai giờ năm phút

ba giờ mười phút

bốn giờ mười lăm

năm giờ hai mươi

sáu giờ hai mươi năm

bảy giờ rưỡi

tám giờ ba mươi lăm

mười giờ kém hai mươi

mười một giờ kém mười năm

mười hai giờ kém mười

một giờ kém năm

một giờ sáng

hai giờ chiều

Ázsia

Európa

Afrika

félóra

negyedóra

Amerika

2:05

1:00

háromnegyed óra

5:20

4:15

3:10

8:35

7:30

6:25

11:50

10:45

9:40

délután két óra

hajnali egy óra

12:55

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

ngày một tháng một năm hai
nghìn mười bốn

ngày hai mươi lăm tháng hai
năm hai nghìn linh ba

ngày mười hai tháng tư năm
một nghìn chín trăm tám
mười tám

ngày mười ba tháng mười
năm một nghìn tám trăm
chín mươi chín

ngày ba mươi tháng chín
năm một nghìn chín trăm
linh bảy

ngày mười hai tháng mười
hai năm hai nghìn

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

jövő hét

e hét

múlt hét

jövőre

idén

tavaly

jövő hónap

e hónap

múlt hónap

1988-04-12

2003-02-25

2014-01-01

2000-12-12

1907-09-30

1899-10-13

áll

rác

homlok

szempillák

szakáll

orca

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

tarkó

derék

szemöldök

kisujj

hüvelykujj

mellkas

mutatóujj

középső ujj

gyűrűsujj

sarok

köröm

csukló

csont

izom

gerinc

csigolya

borda

csontváz

artéria

véna

húgyhólyag

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

pénisz

sperma

hüvely

csípős

szaftos

here

főtt

nyers

sós

szigorú

kapzsi

félénk

süket